

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 97/2025/DS-PT

Ngày: 05-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
bơm tiêu; tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Bà Kiều Kim Xuân

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 635/2024/TLPT- DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ bơm tiêu; tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo pháp luật* của Hợp tác xã dịch vụ Nông nghiệp số 01 xã T là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc hợp tác xã D xã T. (Có mặt)

2. Bị đơn: Trần Văn N, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người đại diện cho nguyên đơn trình bày:* : Ngày 09/8/2020 Hợp tác xã D xã T (gọi tắt là HTX) có kêu gọi bà con hợp về vấn đề chạy nước bơm tiêu và đã có 65 bà con tham dự. Nội dung cuộc họp bà con nông dân đều thống nhất làm 03 vụ lúa/năm trên cánh đồng ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp với mức giá chạy nước bơm tiêu (rút nước ra) là 220.000đồng/1.000m²/01năm (đối với bà con nào không góp vốn vào hợp tác xã) và thời gian hợp đồng trong vòng 06 năm. Trong đó, có ông Trần Văn N với diện tích đất sản xuất là 70.000m² chưa thanh toán tiền cho Hợp tác xã với các vụ như sau: Vụ Hè Thu năm 2021, diện tích 70.000m² là 7.700.000đồng; Vụ Thu Đông năm 2021 - 2022, diện tích 70.000m² là 7.700.000đồng; Vụ Hè Thu năm 2022, diện tích 70.000m² là 7.700.000đồng; Vụ Thu Đông năm 2022 - 2023, diện tích 70.000m² là 7.700.000đồng.

Ông N chưa thanh toán cho Hợp tác xã từ vụ Hè Thu năm 2021 đến vụ Thu Đông năm 2022 - 2023 là 30.800.000đồng. Nay Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T yêu cầu ông N trả số tiền nước bơm tiêu nhưng ông N không chịu trả. Ngày 10/4/2023 Hợp tác xã có cử ông T (là Giám đốc hợp tác xã) làm đơn gửi đến ấp T, xã T giải quyết, sau đó Tổ hòa giải có mời lên giải quyết nhưng ông N không chấp nhận trả tiền và tự động đứng lên bỏ về. Nay Hợp tác xã dịch vụ khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Văn N phải trả cho Hợp tác xã số tiền bơm tiêu còn thiếu 30.800.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Trần Văn N thì Hợp tác xã không thống nhất, vì Hợp tác xã đã thực hiện đúng theo biên bản, không vi phạm, vi phạm là ông N đòi thời gian ngày cấy lúa, vì thời gian quy định chưa hết mà ông N đã cấy lúa, nên ông N tự làm thiệt hại lúa của ông N. Do đó, qua yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông N với số tiền là 15.456.000đồng thì Hợp tác xã không thống nhất.

Tại phiên tòa, bà O là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã tự nguyện hỗ trợ cho ông N số tiền 3.000.000đồng.

- *Bị đơn của ông Trần Văn N trình bày:* Vào vụ Thu Đ năm 2021 Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T không rút nước đã làm cho đất của ông N bị

ngập úng diện tích 08 công tầm cắt, đất tọa lạc tại ấp T, xã T. Cụ thể là trước một ngày cắt lúa thì ông N có báo cho T1 ấp là ông H1, phó ấp là ông Quốc Nguyễn Đ1 xác minh lúa bị ngập úng nhưng trưởng, phó ấp ra coi thấy đất ngập nước tới nửa cây lúa nhưng nói khỏi cần lập biên bản mà chụp hình lại được rồi, lúc đó ông H1 còn chụp hình hiện trạng đất bị ngập úng, nhưng ông N chưa đồng ý, ông N hẹn ngày hôm sau ra đất lập biên bản, ông H1, ông N1 đồng ý, cho nên ông N dời ngày cắt lúa thêm một ngày nữa nhưng cuối cùng đến ngày hẹn thì ông H1 và ông N1 không có ra lập biên bản.

Khi ông N cắt lúa thì chỉ thu hoạch mỗi công tầm cắt là 07bao, thu hoạch hết đất là 56bao, mỗi bao là 60kg, 08 công thu hoạch được 3.360kg, bán được 3.360kg x 4.600đồng/kg = 15.456.000đồng. Trong khi đó những hộ canh tác giáp ranh thu hoạch mỗi công tầm cắt là 14 bao gấp đôi của ông N. Vì vậy ông N bị thất thu phân nửa số tiền là 15.456.000đồng.

Nguyên nhân thu hoạch năng suất thấp lúa của ông N là thiệt hại do Hợp tác xã không rút nước chống úng lúa của ông N. Do đó, ông N yêu cầu Hợp tác xã phải bồi thường, nhưng Hợp tác xã không chịu mà thừa ông N tại ấp. Khi ấp hòa giải ông N có yêu cầu bồi thường nhưng ấp không giải quyết mà chỉ giải quyết yêu cầu đòi thủy lợi phí của Hợp tác xã, ông N không chịu. Nay ông N đồng ý trả tiền bơm tiêu cho Hợp tác xã nhưng yêu cầu phải trừ vào thiệt hại của ông N số tiền là 15.456.000đồng do Hợp tác xã không rút nước để cho lúa của ông N bị ngập úng, còn bao nhiêu thì ông N trả bấy nhiêu.

Qua yêu cầu của Hợp tác xã ông N thừa nhận còn thiếu tiền bơm tiêu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T là 30.800.000đồng., nhưng Hợp tác xã đã không rút nước ra làm lúa ông N bị thiệt hại, nên ông N yêu cầu phản tố yêu cầu Hợp tác xã phải bồi thường thiệt hại về tài sản do không chống úng trên diện tích đất 08 công với số tiền là 15.456.000đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2024/DSST ngày 20/9/2024 của Tòa án huyện T tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T.

Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã D xã T số tiền bơm tiêu còn thiếu 30.800.000đồng (Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không tính lãi.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn N về việc yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T bồi thường thiệt hại lúa bị ngập úng số tiền là 15.456.000đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà O là người đại diện theo ủy quyền của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T về việc hỗ trợ cho ông Trần Văn N số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn N được miễn toàn bộ tiền án phí, về tiền tạm ứng án phí ông N được miễn, nên không đặt vấn đề xử lý.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T không phải chịu án phí nên được nhận lại 770.000đồng (B trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0000507 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2024 ông Trần Văn N có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa ông Trần Văn N đều thừa nhận còn nợ số tiền bơm rút nước ra của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T, huyện T từ vụ lúa Hè Thu năm 2021 đến vụ Thu Đông năm 2022-2023 chưa trả. Theo ông N cho rằng vụ Hè Thu năm

2021 vào thời điểm thu hoạch lúa do mưa nhiều ruộng bị ngập nước, Hợp tác xã không bơm nước ra kịp thời dẫn đến lúa của ông bị thiệt hại trên diện tích 08 công tằm cắt, cho nên ông N có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu Hợp tác xã phải bồi thường với số tiền là 15.456.000đồng để ông trừ vào số tiền mà ông còn nợ 30.800.000đồng mà ông chưa trả cho Hợp tác xã D. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của Hợp tác xã D xã T, huyện T và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N là có căn cứ. Bởi vì: Theo Hợp đồng bơm rút nước ra ngày 09/8/2020 thể hiện nội dung: Cánh đồng ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nếu có nước ngập thì bơm nước trong thời gian 48 tiếng đồng hồ, kể từ khi kết thúc đám mưa cuối cùng.

[2] Theo các lời khai của những người làm chứng mà ông Trần Văn N yêu cầu như: Ông Trần Quốc T2, ông Nguyễn Văn B1, ông Trần Hữu K, ông Nguyễn Văn Quốc N1, ông Nguyễn Thanh H, ông Trần Văn H1 cho rằng đất ông N có bị ngập nước, thiệt hại khoản 01(một) công tằm cắt là nhận định theo ý thức chủ quan, nhưng theo Biên bản xác minh ngày 01/9/2021 và biên bản ngày 02/9/2021 của Ban N2 và Hợp tác xã thì thời gian rút nước ra chưa hết 48 tiếng đồng hồ. Đồng thời, ông N cũng đã thống nhất với đoàn xuống khảo sát lúa của ông N là dời lại một ngày hôm sau ông mới cắt lúa để chờ nước rút, nhưng chưa hết thời gian mà ông N đã cắt lúa xong. Vì vậy cho thấy đất của ông N có bị ngập nước nhưng không gây thiệt hại đến năng suất thu hoạch nên việc ông N yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T bồi thường thiệt hại lúa bị ngập ứng số tiền là 15.456.000đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa, Hợp tác xã tự nguyện hỗ trợ chia sẻ cho ông Trần Văn N số tiền 3.000.000đồng, nên án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện trên là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N là không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn N, nên ông phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông Trần Văn N là người cao tuổi có đơn xin miễn, nên căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định nên miễn án phí cho ông Trần Văn N.

Tuy nhiên, trong phần Quyết định của bản án tuyên chưa cụ thể rõ ràng nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 513; Điều 515; Điều 516; Điều 517; Điều 518; Điều 519; Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn N.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 40/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T, huyện T.

Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã D xã T, huyện T số tiền bơm tiêu còn thiếu 30.800.000 đồng (Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng), không tính lãi.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn ông Trần Văn N về việc yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T, huyện T bồi thường thiệt hại lúa bị ngập úng số tiền là 15.456.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Hợp tác xã D xã T, huyện T về việc hỗ trợ cho ông Trần Văn N số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn N được miễn toàn bộ tiền án phí do ông là người cao tuổi.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp số 01 xã T, huyện T không phải chịu án phí nên được nhận lại 770.000 đồng (B trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0000507 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho ông Trần Văn N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T;
- TAND huyện T;
- Phòng TT, KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội